

NGŨ VĂN 7 - TUẦN 9

Tiết 33	Từ đồng nghĩa + Từ trái nghĩa + Từ đồng âm (HS tự đọc)
Tiết 34	Luyện tập cách làm văn bản biểu cảm
Tiết 35 + 36	Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm Luyện nói văn biểu cảm về sự vật, con người

TIẾT 33: Hướng dẫn tự đọc: Từ đồng nghĩa + Từ trái nghĩa + Từ đồng âm

A. TỪ ĐỒNG NGHĨA

Học sinh đọc SGK và thực hiện các nội dung sau:

Các hoạt động	Nội dung HS cần thực hiện
I. Thế nào là từ đồng nghĩa?	
HS xem lại bài thơ Xa ngắm thác núi Lư của Trương Như. Tìm các từ đồng nghĩa với các từ:	
Từ đồng nghĩa với từ: rọi, trông	
Từ đồng nghĩa với từ: coi sóc, giữ gìn	
Từ đồng nghĩa với từ: mong	
	=> Từ đồng nghĩa
Ghi nhớ SGK/ 114	

II. Các loại từ đồng nghĩa.

HS xem ví dụ SGK/ 114 và hoàn thành phiếu học tập sau:

So sánh nghĩa của các từ	
Trái - quả	
Bỏ mạng - hi sinh	
	Kết luận:
Ghi nhớ SGK/ 115	

III. Sử dụng từ đồng nghĩa.

HS thay các từ đồng nghĩa quả và trái, bỏ mạng và hi sinh trong các ví dụ ở mục II và rút ra nhận xét.

Ghi nhớ SGK/ 115

IV. Luyện tập (SGK/115, 116, 117)

Bài 1: Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau đây:

Từ Hán Việt	Từ đồng nghĩa	Từ Hán Việt	Từ đồng nghĩa
gan dạ =>	dũng cảm	đòi hỏi	
mồ xẻ		năm học	
của cải		loài người	
nước ngoài		thay mặt	
chó biển			

HS hoàn thành các bài tập 2, 3, 4 vào vở bài tập.

B. TỪ TRÁI NGHĨA

Hướng dẫn tự đọc:

Các hoạt động	Nội dung HS cần thực hiện
I. Thế nào là từ trái nghĩa? HS xem yêu cầu SGK/ 128.	
Các cặp từ trái nghĩa	
Từ trái nghĩa với rau già, rau non	
Ghi nhớ SGK/ 128	
II. Sử dụng từ trái nghĩa.	
Tác dụng của việc sử dụng từ trái nghĩa?	
Tìm một thành ngữ có sử dụng từ trái nghĩa	
Ghi nhớ SGK/ 128	

III. Luyện tập

Bài 1: Các cặp từ trái nghĩa: lạnh - rách; giàu - nghèo; ngắn - dài; đêm - ngày; sáng - tối.

HS tự làm bài tập 2; 3; 4 vào vở bài tập.

C. TỪ ĐỒNG ÂM

Hướng dẫn tự đọc

HS đọc SGK/ 135 và hoàn thành các hoạt động sau:

Các hoạt động	Nội dung HS cần thực hiện
I. Thế nào là từ đồng âm? HS xem ví dụ sgk/ 135 giải thích nghĩa của từ "lòng".	
lòng (1)	
lòng (2)	
Kết luận:	
Ghi nhớ SGK/ 135.	
II. Sử dụng từ đồng âm	
1. Nhờ đâu mà em phân biệt được nghĩa của các từ "lòng" trong hai câu trên?	

2. "Đem cá về kho" có thể hiểu thành mấy nghĩa nếu tách khỏi ngữ cảnh?	
3. Để tránh hiện tượng đồng âm cần chú ý điều gì?	
Kết luận:	
Ghi nhớ SGK/ 136	

III. Luyện tập

Bài 1: Làm theo mẫu.

Bài 2: Tìm các nghĩa khác nhau của danh từ "cổ" và giải thích mối liên quan giữa các nghĩa đó.

a.

- Cái cổ:
- Cổ tay:

b. Các từ đồng âm với danh từ cổ:

- Cổ kính:
- Cổ động:
- Cổ lỗ:

Bài tập 3: Đặt câu với mỗi cặp từ đồng âm.

HS tự làm vào vở bài tập.

TIẾT 34: LUYỆN TẬP CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM

I. Chuẩn bị

Đề bài: Loài cây em yêu thích.

1. Tìm hiểu đề và tìm ý

HS đọc đề và thực hiện các yêu cầu sau

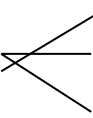
- Phương thức biểu đạt:
- Đối tượng biểu cảm:

2. Lập dàn bài

- Tham khảo dàn bài dưới đây để lập dàn bài cụ thể:

Mở bài: giới thiệu về loài cây và lí do mà em yêu thích loài cây đó.

Tình cảm: loài cây mà em yêu quý nhất và gắn bó suốt 5 năm với em là cây...

- Thân bài: 
 1. Những đặc điểm nổi bật của hoa phượng
 2. Cây phượng với cuộc sống con người (miêu tả)
 3. Cây phượng trong cuộc sống của em (tự sự, biểu cảm)

Kết bài: nêu tình cảm của em

3. Viết bài

4. Đọc và chỉnh sửa

II. Thực hành trên lớp

TIẾT 35 + 36:

CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ TRONG VĂN BIỂU CẢM

I. Tự sự và miêu tả trong văn bản biểu cảm

VD1: Văn bản "Bài ca nhà tranh bị gió thu phá" tác giả Đỗ Phủ.

HS đọc ngữ liệu và xác định phương thức biểu đạt của từng đoạn

- Đoạn 1:
- Đoạn 2:
- Đoạn 3:
- Đoạn 4:

VD2: Văn bản "Tuổi thơ im lặng" – Duy Khán

HS đọc và thực hiện yêu cầu sau:

Chỉ ra yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong đoạn văn đó

- Yếu tố miêu tả:
- Yếu tố tự sự:
- Yếu tố biểu cảm:

* Tác dụng:

Ghi nhớ (SGK/138)

II/ Luyện tập

Học sinh làm bài tập 2 SGK /139.

LUYỆN NÓI VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VẬT, CON NGƯỜI

I. Chuẩn bị

Đề 1: Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những "người lái đò" đưa thế hệ trẻ "cập bến" tương lai.

Đề 2: Cảm nghĩ về tình bạn.

Đề 3: Cảm nghĩ về sách vở mình đọc và học hằng ngày.

Đề 4: Cảm nghĩ về một món quà mà em đã được nhận thời thơ ấu.

Dàn ý:

Đề 1: Cảm nghĩ về thầy, cô giáo, những "người lái đò" đưa thế hệ trẻ "cập bến" tương lai.

Mở bài:

Thân bài:

- Miêu tả và kết hợp biểu cảm về ngoại hình
- Tính tình, sở thích, thái độ, công việc
- Kỷ niệm giữa em và thầy cô
- Tình cảm của em với thầy cô

Kết bài:

- Cảm nghĩ...
- Những lời hứa hẹn.

II. Thực hành luyện nói

DẶN DÒ

- HS ôn tập kiểm tra giữa kì (tuần 10)